

ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU HIỆU QUẢ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH GIẢNG DẠY LÂM SÀNG DỰA TRÊN NĂNG LỰC CHO ĐIỀU DƯỠNG TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

Phan Cảnh Chương¹, Lê Thị Hằng¹, Trần Thị Kim Cúc¹, Đặng Duy Quang¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hiện nay việc hướng dẫn thực hành lâm sàng tại bệnh viện cần được quan tâm đúng mức để HS/SV điều dưỡng đạt được năng lực thực hành lâm sàng nhất định sau khi tốt nghiệp. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu: (1) Đánh giá bước đầu hiệu quả của việc triển khai mô hình đào tạo dựa trên năng lực tại 10 khoa điểm. (2) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình đào tạo dựa trên năng lực cho HS/SV điều dưỡng thực tập tại Bệnh viện Trung ương Huế.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: 44 điều dưỡng là tham gia hướng dẫn lâm sàng (HDLS) của Bệnh viện Trung ương Huế và 159 HS/SV điều dưỡng của Trường Cao đẳng y tế đang thực tập tại 10 khoa điểm. Thiết kế nghiên cứu bằng phương pháp mô tả cắt ngang.

Kết quả nghiên cứu:

- Giảng viên HDLS là: Điều dưỡng trưởng Khoa/Phòng (56,82%), trình độ cử nhân (88,64%), thâm niên công tác >10 năm (93,18%) và (56,82%) đã tham gia công tác đào tạo trước đây.
- Sự phối hợp giữa giảng viên Trường và bệnh viện (100%); giữa các giảng viên hướng dẫn lâm sàng trong cùng khoa (97,73%).
- (100%) giảng viên hướng dẫn lâm sàng có: xác định đối tượng, mục tiêu và nội dung giảng dạy chu đáo (96,23%); nhiệt tình (98,74%); kỹ năng trình bày dễ hiểu và thu hút (99,37%).
- Phương pháp trình diễn, làm mẫu được áp dụng nhiều nhất (90,91%)
- Nội dung hướng dẫn lâm sàng phù hợp với lý thuyết đã học (97,48%).
- (92,97%) giảng viên hướng dẫn lâm sàng có lượng giá cuối đợt học theo mục tiêu đề ra.
- (100%) HS/SV thích thú, tích cực học tập và có cơ hội thực hành trên người bệnh nhiều hơn.

Kết luận: mô hình HDLS dựa trên năng lực cho HS/SV điều dưỡng được triển khai có hiệu quả tại 10 khoa điểm của Bệnh viện Trung ương Huế. Cần có sự quan tâm và phối hợp giữa các cơ sở đào tạo điều dưỡng và các cơ sở y tế trong chương trình đào tạo để đạt được chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng sau tốt nghiệp.

ABSTRACT

INITIAL ASSESSMENT OF EFFECTIVE IMPLEMENTATION COMPETENCE BASED CLINICAL TEACHING MODEL FOR NURSING EDUCATION IN HUE CENTRAL HOSPITAL

Phan Canh Chuong¹, Le Thi Hang¹, Tran Thi Kim Cuc¹, Dang Duy Quang¹

Background: competency based clinical teaching model for nursing education is a new model

1. Phòng điều dưỡng, BVTW Huế

of training in Vietnam. Currently clinical practice of nursing students in hospitals need to interested for achieve competence certain clinical practice after graduate. Our research aims: (1) Evaluate the effectiveness for the application of competency based clinical teaching model in 10 point departments. (2) Propose some solutions to improve the effectiveness of this model for nursing education at Hue Central Hospital.

Methods: 44 nurses of 10 point departments of Hue Central Hospital are clinical teaching and 159 students of the Hue Medical College who are practicing at 10 point departments. We designed the cross-sectional descriptive study.

Results:

- Faculty of clinical teaching are: head nurse (56.82%), Bachelor degree (88.64%), worked time > 10 years (93.18%) and (56.82%) participated previous training.
- The collaboration between: the college and hospital faculty (100%), faculty together (97.73%).
- 100% of the faculty is: to identify objectives, content (96.23%), enthusiasm (98.74%), easy to understand and attract presentation (99, 37%).
- Methods of demonstration, modeling is applied most often (90.91%).
- Clinical teaching contents were consistent with theoretical study (97.48%).
- (92.97%) faculty evaluated last round of objectives.
- (100%) students feedbacks are: positive learning and more opportunity to practice.

Conclusions: the competency based clinical teaching model for nursing education has been effectively applied in 10 point departments of Hue Central Hospital. The interest and cooperation between schools and hospitals is essential in developing training programs to achieve the basic standard capacity of nursing after graduation.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyên ngành điều dưỡng đã và đang phát triển thành một ngành học đa khoa, trình độ điều dưỡng viên xu thế cao đẳng và đại học hóa đang trở thành yêu cầu tối thiểu để được đăng ký hành nghề và được công nhận là điều dưỡng chuyên nghiệp giữa các quốc gia khu vực ASEAN và trên toàn thế giới. Mô hình giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực đã được phổ biến và áp dụng rộng rãi ở nhiều nước. Mô hình này mang lại nhiều hiệu quả trong việc thực hành của điều dưỡng đặc biệt là HS/SV đang thực hành tại các cơ sở y tế.

Tuy vậy sự phối hợp trong việc giảng dạy, hướng dẫn lâm sàng cho HS/SV điều dưỡng của các Trường đào tạo và các cơ sở thực hành chưa được chú trọng và thống nhất nhằm đảm bảo cho HS/SV sau khi tốt nghiệp có một năng lực thực hành nhất định theo từng cấp độ.

Việc ban hành “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21/4/2012 của Bộ Y tế có ý nghĩa

rất quan trọng đối với các cơ sở đào tạo điều dưỡng, các cơ sở sử dụng nhân lực điều dưỡng cũng như cơ quan quản lý điều dưỡng.

Được sự hỗ trợ của Dự án phát triển nguồn nhân lực điều dưỡng tại Việt Nam và Trường Đại học Công nghệ Queensland (QUT) - Australia, từ tháng 10/2011 đến nay, Bệnh viện Trung ương Huế đã tổ chức 3 lớp đào tạo giảng viên HDLS dựa trên năng lực (ToT) cho các học viên: điều dưỡng BVTW Huế, giảng viên của trường Cao đẳng Y tế Huế và khoa Điều dưỡng trường Đại học Y Dược Huế.

Mô hình giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực cho điều dưỡng và HS/SV điều dưỡng được áp dụng bắt đầu từ tháng 3/2012 tại 10 khoa điểm của Bệnh viện Trung ương Huế. Sau 3 tháng triển khai thực hiện, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm:

1. Đánh giá hiệu quả triển khai mô hình đào tạo dựa trên năng lực đối với HS/SV Trường Cao đẳng Y tế Huế tại 10 khoa điểm.

2. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng mô hình đào tạo dựa trên năng lực

cho HS/SV điều dưỡng thực tập tại Bệnh viện Trung ương Huế.

tế Huế đang thực tập tại 10 khoa điểm.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- 44 điều dưỡng là giảng viên hướng dẫn lâm sàng tại 10 khoa điểm.
- 159 HS/SV điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp mô tả cắt ngang
- Thu thập số liệu từ phiếu khảo sát được thiết kế sẵn
- Xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê thông thường

2.3. Thời gian thực hiện: Từ 1/6/2012 - 15/6/2012

III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Khảo sát thông tin giảng viên hướng dẫn lâm sàng

Bảng 1: Thông tin chung

Thông tin chung (n= 44)		n	%
Giới	Nam	02	4,55
	Nữ	42	95,45
Tuổi	< 30 tuổi	03	6,82
	30 – 40 tuổi	31	70,45
	44 – 50 tuổi	10	22,73
Chức vụ	ĐDT Trung tâm, Khoa, Phòng	25	56,82
	Điều dưỡng viên	19	43,18
Trình độ chuyên môn	Cử nhân	39	88,64
	Cao đẳng	00	00
	Trung cấp (đang học cử nhân)	05	11,36
Thâm niên công tác	5-10 năm	03	6,82
	10-15 năm	16	36,36
	15 - 20 năm	19	43,18
	> 20 năm	06	13,64
Thời gian hướng dẫn lâm sàng	Chưa tham gia	25	56,82
	< 3 năm	05	11,36
	≥ 3- 5 năm	13	29,55
	> 10-15 năm	01	2,27

Nhận xét: Giảng viên hướng dẫn lâm sàng độ tuổi 30 - 40 chiếm ưu thế; thâm niên công tác >10 năm (93,18%); cử nhân (88,64%), Điều dưỡng trưởng (56,82%); đã tham gia công tác giảng dạy trước đó (43,18%).

Bảng 2. Khảo sát về kỹ năng giảng dạy

Kỹ năng giảng dạy (n= 44)	Có		Chưa	
	n	%	n	%
Đã tham gia các lớp đào tạo giảng viên lâm sàng hoặc kỹ năng sư phạm trước đó	20	45,45	24	55,55
Đã tham gia giảng dạy	19	43,18	25	56,82
Chọn làm giảng viên, trợ giảng	09	20,45	35	79,55

Nhận xét: 45,45% đã qua các lớp đào tạo giảng viên lâm sàng hoặc ToT trước đó.

3.2. Khảo sát học sinh/sinh viên điều dưỡng đang thực tập

Bảng 3: Thông tin chung về học sinh/sinh viên điều dưỡng

Thông tin chung (n= 159)		n	%
Giới tính	Nam	27	16,98
	Nữ	132	83,02
Đối tượng	Cao đẳng	112	70,44
	- Năm 2	19	11,95
	- Năm 3	93	58,49
	Trung học	42	26,42
	- Năm 1	12	7,55
	- Năm 2	30	18,87
	Liên thông	5	3,14

Nhận xét: sinh viên điều dưỡng cao đẳng năm thứ ba chiếm 58,49%,

Bảng 4: Địa điểm hướng dẫn lâm sàng

Địa điểm	n	%
Phòng giao ban	34	21,38
Giường bệnh	136	85,53
Khác	8	5,03

Nhận xét: hướng dẫn lâm sàng tại giường bệnh được áp dụng nhiều nhất (85,53%).

Bảng 5: Đánh giá hiệu quả áp dụng mô hình hướng dẫn lâm sàng dựa trên năng lực

Nội dung	Có		Không	
	n	%	n	%
Có nhiều thay đổi trong việc hướng dẫn lâm sàng cho học sinh/sinh viên thực tập	111	69,81	48	30,19
Người hướng dẫn chuẩn bị nội dung giảng dạy chu đáo	153	96,23	6	3,77
Bổ sung thêm kiến thức và kỹ năng thực hành	158	99,37	1	0,63

Nội dung hướng dẫn phù hợp với chương trình lý thuyết	155	97,48	4	2,52
Kỹ năng trình bày của giảng viên dễ hiểu và thu hút	158	99,37	1	0,63
Người hướng dẫn nhiệt tình trong quá trình giảng dạy	157	98,74	2	1,26
Cơ hội được thực hành trên NB sau khi được hướng dẫn	158	99,37	1	0,63
Đưa ra ý kiến phản hồi với giảng viên	24	15,09	135	84,91
Tự lượng giá quá trình học tập	130	81,76	29	18,24

Nhận xét: có sự nhiều sự thay đổi tích cực trong việc hướng dẫn lâm sàng tại khoa so với trước đây (69,81%). Nội dung phù hợp với chương trình lý thuyết đã được học (97,48%). Học viên có cơ hội thực hành trên người bệnh (99,37%). (81,76%) học viên tự lượng giá quá trình học tập.

3.3. Đánh giá việc triển khai mô hình hướng dẫn lâm sàng dựa trên năng lực

Bảng 6: Nội dung đánh giá việc triển khai mô hình hướng dẫn lâm sàng dựa trên năng lực

Nội dung	Có		Không	
	n	%	n	%
Xác định đối tượng, thời gian thực tập tại khoa	44	100	00	0
Tìm hiểu nhu cầu đào tạo	44	100	00	0
Xác định mục tiêu và nội dung đào tạo	44	100	00	0
Xây dựng kế hoạch bài giảng	44	100	00	0
Phối hợp giữa giáo viên nhà trường và bệnh viện	43	97,51	01	2,49
Sự thích thú tham gia của HS/SV	44	100	00	0
Lượng giá theo mục tiêu	41	92,97	03	7,03

Nhận xét: 100% giảng viên có xác định đối tượng, thời gian, tìm hiểu nhu cầu, mục tiêu và xây dựng kế hoạch bài giảng. Có sự cải thiện trong việc phối hợp giữa giảng viên của trường và bệnh viện (97,51%). 100% HS/SV thích thú và tham gia học tập tích cực vì được sự quan tâm và có cơ hội thực hành, (92,97%) giảng viên tham gia lượng giá HS/SV cuối đợt học theo mục tiêu đề ra.

Bảng 7: Phương pháp thường được áp dụng trong hướng dẫn lâm sàng

Phương pháp	n	%
Thuyết trình	34	77,27
Làm mẫu, trình diễn	40	90,91
Thảo luận nhóm	33	75
Đóng vai	02	4,55
Bài tập tình huống	10	22,73

Nhận xét: Sử dụng phương pháp giảng dạy lâm sàng tương đối đa dạng, phương pháp làm mẫu, trình diễn được chọn chiếm tỉ lệ cao nhất (90,91%).

Bảng 8: Những thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện

Thuận lợi	Có		Không	
	n	%	n	%
- Thống nhất nội dung và mục tiêu giảng dạy	42	95,45	02	4,55
- Có sự phân công rõ ràng (thời gian, nội dung)	40	90,91	04	9,09
- Cung cấp nội dung bài giảng lý thuyết	30	68,18	14	31,82
- Tham gia lượng giá quá trình và cuối kỳ	39	88,64	05	11,36
Sự phối hợp giữa các giảng viên HDLS sàng tại khoa	43	97,73	01	2,27
Sự hỗ trợ, tạo điều kiện của lãnh đạo khoa, phòng	44	100	00	0
Sự hỗ trợ của điều dưỡng trưởng khoa	44	100	00	0

Nhận xét: có sự phối hợp giữa giảng viên của Trường và bệnh viện (100%), giữa các giảng viên HDLS trong khoa (97,73). Tuy nhiên vẫn còn (31,82%) giảng viên của bệnh viện chưa được cung cấp tài liệu lý thuyết chủ yếu tập trung ở các khoa như Hồi sức cấp cứu, Hồi sức sau mổ do một số đặc thù riêng; (4,55%) chưa thống nhất nội dung, (9,09%) chưa phân công rõ ràng và 11,36% chưa tham gia đánh giá cuối kỳ.

Bảng 9: Những khó khăn gặp phải trong quá trình triển khai thực hiện

Khó khăn	n	%
Thời gian bị hạn chế	23	52,77
Số lượng người bệnh quá tải	34	77,27
Không hợp tác	06	13,64
Khối lượng công việc quá nhiều	32	72,73
Chuẩn bị tài liệu, bài giảng	18	40,91
Kỹ năng hướng dẫn lâm sàng	07	15,91
Số lượng sinh viên quá đông	27	61,36
Thời gian thực tập tại khoa quá ngắn	20	45,45
Nhiều đối tượng điều dưỡng thực tập tại khoa	25	56,82
Thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy	13	29,55

Nhận xét: áp lực công việc của điều dưỡng (72,73%). Số lượng và đối tượng HS/SV thực hành tại các khoa quá đông (61,36%), nhiều cấp độ khác nhau (56,82%).

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Hầu hết đội ngũ GVHDLS có trình độ cử nhân, thâm niên công tác >10 năm chiếm đa số và > 50% điều dưỡng đã tham gia hoạt động đào tạo trước đây.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên Trường và bệnh viện cũng như sự ủng hộ của lãnh đạo Khoa, Phòng, Điều dưỡng trưởng.

- 100% GVHDLS có xác định đối tượng, mục tiêu và nội dung đào tạo, chuẩn bị nội dung giảng dạy chu đáo (96,23%), kỹ năng trình bày dễ hiểu và thu hút (99,37%).

- Phương pháp trình diễn, làm mẫu được chọn để HDLS chiếm tỉ lệ cao nhất (90,91%).

- Nội dung HDLS phù hợp với lý thuyết đã học, bổ sung kiến thức, kỹ năng và thái độ (97,48%).

- 100% HS, SV thích thú, tích cực học tập và có cơ hội thực hành trên người bệnh nhiều hơn.

- Khó khăn: Người bệnh quá tải (77,27%), khối lượng công việc nhiều (72,73%), thời gian hạn chế (52,77%).

Kiến nghị:

- Đây là một mô hình giảng dạy mới và cần được nhân rộng ở các khoa trong toàn bệnh viện.

- Cần chọn lọc các điều dưỡng có trình độ đại học, thâm niên công tác, tâm huyết và phải được qua khóa đào tạo ToT tham gia công tác đào tạo, hướng dẫn lâm sàng.

- Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên của các cơ sở đào tạo và bệnh viện, giữa các giảng viên HDLS trong cùng khoa; sự quan tâm hỗ trợ của lãnh đạo Khoa, Phòng.

- Chọn lựa các phương pháp dễ hiểu, phù hợp với đối tượng và mục tiêu đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2011), *Thông tư 07/2011/TT-BYT về hướng dẫn công tác điều dưỡng và chăm sóc người bệnh trong bệnh viện ban hành ngày 26/01/2011.*
2. Bộ Y tế (2012), *Chuẩn năng lực điều dưỡng cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21/4/2012.*
3. Hội Điều dưỡng Việt Nam (2012), *Tiêu chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh trong các bệnh viện*, Nhà xuất bản Hà Nội tháng 11 năm 2011.
4. Trường Đại học Công Nghệ Queensland - Australia (2010), *Tài liệu chương trình đào tạo giảng viên hướng dẫn lâm sàng dựa trên năng lực.*
5. Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức (2011), “Nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh thông qua đào tạo và quản lý điều dưỡng tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức”, *Kỷ yếu Hội nghị khoa học điều dưỡng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức lần thứ III (2011)*, tr.223-277.
6. Quốc Hội (2009), *Luật khám bệnh, chữa bệnh.*
7. Tổ chức Y tế thế giới (2009): *Tiêu chuẩn toàn cầu về đào tạo cơ bản cho điều dưỡng và hộ sinh chuyên nghiệp. (Global standards for the initial education of professional nurses and midwives).*